

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 260/2019/HSPT

Ngày 03 - 9 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Toàn.

Ông Nguyễn Tấn Đức.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*** : Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 254/2019/TLPT-HS ngày 29 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và bị cáo Nguyễn Thị Ái V phạm tội “Giữ người trái pháp luật”, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị Ái V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2019/HS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo: **Nguyễn Thị X**; sinh năm: 1972 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: TDP 6, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Sỹ B1 và bà Phạm Thị M1 (đều đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Văn C1 - Sinh năm 1968 và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/02/2009 bị cáo X có hành vi cố ý gây thương tích (sau này được Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Cư M'gar ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án do người bị hại rút yêu cầu khởi tố).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo: **Nguyễn Thị Ái V**; sinh năm 1983 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số 845 HHT, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B2 và bà Bùi Thị M2; bị cáo có chồng là Ngô Đức C2 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị đang được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

* *Người bị hại*: Bà Nguyễn Thị Ph Ch; nơi cư trú: Buôn K, xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn C1; địa chỉ: TDP 6, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

2. Bà Nông Thị U; địa chỉ: Thôn 8, xã EM, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Ông Phùng Văn M; địa chỉ: Thôn TL 6, xã PĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn Th nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị Ph Ch và bà Nguyễn Thị X có quan hệ quen biết với nhau từ năm 2017. Trong thời gian quen biết thì X nhiều lần cho Ch mượn tiền để kinh doanh. Ngày 14/01/2018, Ch gặp X tại quán cà phê A ở số 20 đường PĐ, TDP 3, thị trấn QP, huyện C để hỏi vay mượn tiền. Sau khi thỏa thuận, X đồng ý cho Ch vay với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên, để được vay tiền thì X yêu cầu Ch phải viết giấy bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, màu sơn: Xám - bạc, biển kiểm soát: 47H1-388.76 của Ch cho X để lấy số tiền 30.000.000đ thì Ch đồng ý. Sau đó X nói con gái là Nguyễn Thị Thanh Th1 viết giấy bán xe với nội dung Ch bán xe 47H1-388.76 cho X với giá 30.000.000đ rồi đưa cho Ch ký vào giấy bán xe và giao toàn bộ giấy bán xe mô tô 47H1-

388.76 cho X còn Ch vẫn sử dụng xe mô tô 47H1-388.76 và giấy tờ xe. Sau khi viết giấy bán xe xong thì X đã giao số tiền 30.000.000đ cho Ch. Ngoài việc vay mượn tiền như trên Ch còn vay mượn của X nhiều lần với số tiền lớn nhưng chưa trả, nên vụ việc đang được Toà án nhân dân huyện Cư M'gar thụ lý giải quyết. Vì vậy, Nguyễn Thị X đã nhiều lần gặp Ch để đòi tiền nợ nhưng Ch không có tiền để trả cho X.

Vào khoảng đầu tháng 6 năm 2018, Nguyễn Thị X gặp Nguyễn Thị Ái V để nhờ V tìm người đi cùng X đến nhà Ch đòi nợ thì được V đồng ý. V liên hệ với Nguyễn Văn Th (tên thường gọi là K) đến quán cà phê Sách ở TDP 7, thị trấn QP, huyện C để gặp X và V. Tại đây, X và Th trao đổi việc đi đòi nợ, X nói Th tìm thêm mấy người bạn đi cùng X đến nhà Ch để đòi nợ thì Th đồng ý.

Khoảng 06 giờ ngày 07/6/2018, Th gọi thêm Lưu Mạnh T, sinh năm 1992, trú tại thôn 1, xã I, huyện CP, tỉnh Gia Lai tạm trú tại Hồ câu A1, TDP 3, thị trấn QP với 02 người tên L và N (chưa xác định được nhân thân lai lịch) cùng tham gia đi đòi nợ với Th thì T, L, N đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát: 47H1-461.37 của bà Nông Thị U là mẹ vợ của Th chở T, còn N chở Th trên xe mô tô hiệu Taurus, không rõ biển kiểm soát và Th mang theo 01 túi nâu bên trong có đựng 01 gậy 03 khúc bằng kim loại, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 329.11 của V cùng với vợ chồng X đến nhà Ch. Khi đến gần nhà Ch thì X chỉ đạo chia ra làm 02 nhóm, nhóm thứ nhất có ông Nguyễn Văn C1 (chồng X), Th, N đứng chặn trên đường tỉnh lộ 8 hướng đi xã CD cách nhà Ch khoảng 200m, nhóm thứ hai có X, V, T, L chặn ở đường tỉnh lộ 8 hướng về xã EK. Mục đích chặn đường để khi ông Ph (chồng Ch) đi ra ngoài đường bằng xe mô tô, biển kiểm soát: 47H1- 388.76 thì sẽ giữ và lấy xe. Khoảng 7 giờ cùng ngày, do không thấy ông Ph điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 388.76 đi ra ngoài nên nhóm của X đến trước cổng nhà Ch thì thấy Ch đang nấu ăn sáng tại nhà bếp. Lúc này, T gọi điện báo cho Th biết, sau đó T đập đổ bờ rào lưới B40 rồi đi vào. Thấy vậy, Ch chạy vào phòng ngủ đóng cửa lại, T chạy theo đập bung cửa xông vào túm tóc Ch kéo ra ngoài. Khi T kéo Ch ra đến hành lang thì X cùng Th, N leo qua hàng rào vào cùng kéo Ch ra ngoài đường, X túm tóc và tát vào mặt Ch. Sau đó X nói với Th, T, N và L là đưa Ch lên xe mô tô chở đi thì Ch chống đối nên Th, T, X khiêng Ch đặt lên xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 461.37 để L điều khiển xe, Ch ngồi giữa, T ngồi sau giữ Ch đi về hướng xã EK. Lúc này ông C1 vẫn một mình đứng trên đường tỉnh lộ 8 cách nhà Ch khoảng 200m. Ngay lúc đó, X bảo V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 329.11 chở X đi theo để hướng dẫn L cùng đồng bọn chở Ch vào lô cao su thuộc xã EK thì V đồng ý. Khi vào lô cao su thuộc xã EK thì Th yêu cầu Ch tắt nguồn điện thoại và cùng với T, N, L giữ Ch lại trong lô cao su để chờ X đến. X được V điều khiển xe mô tô chở đến thì X tiếp tục chửi bới, túm tóc và dùng tay chân đánh chịch Ch còn Th, T, N, L và V

thì đứng canh. Sau đó, X bảo V đi ra ngoài đường tỉnh lộ 8 chờ đón ông C1 vào. X cùng đồng bọn không chế, giữ chị Ch đến khoảng 9 giờ cùng ngày thì cả bọn bỏ Ch ở lại lô cao su một mình và đi về. Khi về đến đường tỉnh lộ 8 thì ông C1 và V cũng vừa đến nên cả bọn cùng nhau đi về thị trấn QP, huyện C. Lúc này, Nguyễn Thị Ph Ch gọi điện thoại cho anh Nguyễn Phi Huynh, nhờ đến đón và chở Ch đi bệnh viện Đa khoa huyện Cư M'gar. X, C1, V, Th, T, N và L đi về đến thị trấn QP và vào quán cà phê ở đường Y, thị trấn QP, huyện C uống nước. Tại đây X có đưa cho T số tiền 2.000.000đ để trả công việc đi đòi nợ, nhóm của Th đã chia mỗi người 500.000đ để tiêu xài.

Tại bản Kết luận pháp y thương tích số 859/PY-TgT ngày 17/7/2018, của Trung tâm Pháp Y tỉnh Đắk Lắk kết luận: bà Nguyễn Thị Ph Ch bị đa thương phần mềm, với tỷ lệ thương tích là 05% (Năm phần trăm), vật tác động; cứng, tày

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, đã quyết định:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Bị cáo và Nguyễn Thị Ái V phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, b khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giam, ngày 14/01/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ái V 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Th, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/6/2019 bị cáo Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/7/2019 bị cáo Nguyễn Thị Ái V có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị X bổ sung kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo và bị cáo Nguyễn Thị Ái V vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị Ái V đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Ái V và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị X về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và xét xử bị cáo Nguyễn Thị Ái V về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi phạm tội bị cáo V là phụ nữ có thai nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng là bất lợi cho bị cáo V nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo; đồng thời đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo X và V không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo X và cho bị cáo X và bị cáo V được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị Ái V tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 7 giờ 00 phút ngày 07/6/2018, tại nhà Nguyễn Thị Ph Ch, các bị cáo Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn Th, cùng với Lưu Mạnh T, N và L (chưa xác định được nhân thân lai lịch) đã thực hiện hành vi bắt, giữ bà Nguyễn Thị Ph Ch. Nguyễn Thị Ái V biết được việc bà X cùng đồng bọn bắt, giữ bà Ch nhưng vẫn dùng xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 329.11 chở Nguyễn Thị X đi lô cao su để đồng bọn đánh đập và đòi nợ bà Ch. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị X về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và xét xử bị cáo Nguyễn Thị Ái V về tội “Giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo X thấy rằng: Mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo X là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị

cáo gây ra, bởi lẽ: Bị cáo X là người trực tiếp chủ mưu, rủ rê, lôi kéo người khác phạm tội và trực tiếp dùng tay chân để đánh bà Ch gây thương tích 5% cho bà Ch. Quá trình điều tra bị cáo X không thành khẩn khai báo gây khó khăn cho quá trình điều tra. Ngoài ra, vào ngày 18/02/2009 bị cáo X còn có hành vi cố ý gây thương tích (sau này được Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Cư M'gar ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án do người bị hại rút yêu cầu khởi tố) nhưng bị cáo X không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, sống có ích cho xã hội mà còn tiếp tục phạm tội, điều này cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo X kém. Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ái V thấy rằng:

Tại bút lục số 101 bản tự khai ngày 26/6/2018 bị cáo Nguyễn Văn Th khai : “ Vào ngày 6/6 tôi ngồi quán cà phê A đường PĐ, thị trấn QP cùng chị Bầu...”... và tại bút lục số 102 biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2018 bị cáo Nguyễn Văn Th khai: “...tôi, N, bà bầu đi sau cùng...” . Tại bút lục số 233 biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2018 Nguyễn Thị Ph Ch khai: “...Người phụ nữ có bầu nói với bà X...” và “... người này có bầu khoảng 5 tháng...”. Tại Trích lục giấy khai sinh số 616/TLKS-BS ngày 12 tháng 10 năm 2018 của UBND phường tân Lợi, Buôn Ma Thuột thì cháu Ngô Lê Ngọc K con của Nguyễn Thị Ái V và Ngô Đức C3 sinh ngày 7 tháng 10 năm 2018. Như vậy khi phạm tội bị cáo V là phụ nữ có thai nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng là bất lợi cho bị cáo V.

Bị cáo V có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, khi phạm tội là phụ nữ có thai và được người bị hại làm đơn xin bãi nại quy định tại các điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo để cho bị cáo V được tự cải tạo ngoài xã hội chịu sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị X phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị Ái V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị X. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 32/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đối với bị cáo Nguyễn Thị X.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ái V. Sửa bản án sơ thẩm số 32/2019/HSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Ái V.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Bị cáo Nguyễn Thị Ái V phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*”

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, b khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 14/01/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ái V 09 (chín) tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*” nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ái V cho UBND phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị X phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Ái V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Công an huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND phường TL, tp.B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Văn Công Dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Văn Toàn

Trần Thị Phụng

Nguyễn Thị Hằng